TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 25 - 6 - 2024
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa***: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST–DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "*Thừa kế tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1928 (chết ngày 20/6/2023)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn N, sinh năm 1964.

2. Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1972.

3. Ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1976.

Cùng trú tại: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1970; trú tại: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của ông N, bà O, ông H1, bà N1: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1976; trú tại: Số nhà A đường L, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 04/8/2023- có mặt).

5. Chị Nguyễn Thị Hạnh D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B O, S, CA 95122, USA.

6. Chị Tran Vivian H2, sinh năm 1992

7. Chị Nguyen V1, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Số B S, S, C, USA.

Đại diện theo ủy quyền chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1: Bà Trần Kim H3, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Kim L, sinh năm 1960; địa chỉ: Số B S, S, C, USA; Đại diện theo ủy quyền bà Trần Kim L: Bà Trần Kim H3, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Trần Kim H3, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Đại diện theo ủy quyền bà Trần Kim H3 là bà Trương Thị Kim T, 1974; địa chỉ: E L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (văn bản ủy quyền ngày 30/5/2024 - có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Hạnh D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B O, S, CA 95122, USA.

2. Chị Tran Vivian H2, sinh năm 1992.

3. Chị Nguyen V1, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: B S, S, C, USA.

4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963; địa chỉ: B, S, CA 94116, USA

Đại diện theo ủy quyền chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, bà Nguyễn Thị T1: Bà Trần Kim H3, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Ông Khổng Đình X, sinh năm 1960; địa chỉ: Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Đại diện theo ủy quyền của ông Khổng Đình X: Chị Khổng Thụy Thu T2, sinh năm 1984; trú tại: Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

6. Ông Trần Chấn H4, sinh năm 1959; địa chỉ: Số B D, S, CA 94116, USA. (chết ngày 08/01/2023)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tung của ông Trần Chấn H4:

6.1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963; địa chỉ: B D, S, CA 94116, USA; Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị T1: Bà Trần Kim H3, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

6.2. Anh Trần Chan T3, sinh năm 1983.

6.3. Chị Trần V2, sinh năm 1986.

Cùng trú tại: Số B D, S, CA 94116, USA.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Chan T3, bà Trần V2: Chị Khổng Thụy Thu T2, sinh năm 1984; trú tại: Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định (văn bản uỷ quyền ngày 08/5/2024 – có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Văn V là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Thanh N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (chết ngày 20/6/2023), trình bày:

Tại Bản án DSPT số 05/2015/DS-PT ngày 11/11/2015 về việc tranh chấp "*Quyền sở hữu tài sản*" của TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật, quyết định:

Nhà và đất tại số nhà I đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T4 và bà Trần Kim L. Nhà và đất tại số nhà A đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định là tài sản chung của các ông, bà: Nguyễn Ngọc T4, Trần Kim L, Khổng Đình X, Trần Kim H3, Trần Chấn H4, Nguyễn Thị T1.

Ông Nguyễn Ngọc T4 chết ngày 06/12/2013 không để lại di chúc đối với tài sản của ông T4 trong khối tài sản chung nhà và đất tại số nhà I và số A đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vì vậy bà H là mẹ ruột ông T4 yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản mà ông T4 để lại. Ông T4 với vợ trước bà Nguyễn Thị Y có 01 người con chung là chị Nguyễn Thị Hạnh D, ông T4 với vợ sau là bà Trần Thị Kim L1 có 02 người con chung là chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1. Nên hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 gồm có: Bà Nguyễn Thị H (mẹ); bà Trần Thị Kim L1 (vợ); chị Nguyễn Thị Hạnh D (con); chị Tran Vivian H2 (con); chị Nguyen V1 (con).

Bà Nguyễn Thị H chết năm 2023, những người Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm: Ông Nguyễn N, sinh năm 1964, Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1972, Ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1976, bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1970. Ngày 15/3/2023 bà H có lập văn bản xác định ý chí khi bà H chết thì

bà tặng cho phần thừa kế của bà cho bốn người con là N, H1, N1, O. Bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tài sản của ông T4, phần bà nhận được bao nhiêu tặng cho hết cho bốn người con là N, H1, N1, O.

Bà H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tài sản của ông T4, phần bà H nhận được bao nhiêu tặng cho hết cho bốn người con là N, H1, N1, O theo văn bản ngày 15/3/2023. Nay bà H chết, ông Phạm Văn V là người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà O, ông H1, bà N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà H. Di sản của ông T4 do bà Trần Kim H3 quản lý từ năm 2016 đến nay nên thống nhất tính công sức gì giữ bảo quản cho bà H3; nguyên đơn yêu cầu nhận giá trị bằng tiền giao tài sản cho bà L1.

Cá nhân ông H1 còn có yêu cầu tính công sức quản lý, bảo quản tài sản từ năm 2008 đến năm 2015 là 500.000.000đ vì thời gian này ông H1 đứng tên hai căn nhà số I, A N, thành phố Q. Tại phiên các đương sự đã thỏa thuận không tính phần công sức cho ông H1.

Bị đơn bà Trần Kim Lý d bà Trần Kim H3 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nhà và đất tại lô S đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định, diện tích đất ở 88,3m^2, nhà cấp 3 diện tích sàn 314,3m^2 là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T4 và bà Trần Kim L1 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận số CS0024 ngày 29/11/2016 cho bà Trần Kim L1 và ông Nguyễn Ngọc T4.

Nhà và đất tại lô S đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định, diện tích đất ở 88,3m^2, nhà cấp 4 diện tích sàn 88,3m^2 là tài sản chung của ông Nguyễn Ngọc T4, bà Trần Kim L1, ông Khổng Đình X, bà Trần Kim H3, ông Trần Chấn H4, bà Nguyễn Thị T1 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận số CS0025 ngày 29/11/2016 đứng tên ông Nguyễn Ngọc T4, bà Trần Kim L1, ông Khổng Đình X, bà Trần Kim H3, ông Trần Chấn H4, bà Nguyễn Thị T1. (ông Trần Chấn H4 chết ngày 08/01/2023 có vợ là bà Nguyễn Thị T1, và 02 con là anh Tran Trung C, chị Tran V3)

Ông Nguyễn Ngọc T4 mất ngày 06/12/2013 không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản của ông T4 để lại là ½ giá trị nhà và đất tại số nhà I và $^1/_6$ giá trị nhà và đất số A đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Hàng thừa kế của ông Nguyễn Ngọc T4 gồm mẹ Nguyễn Thị H, vợ Trần Kim L1, con Nguyễn Thị Hạnh D, con Trân Vivian H5, con Nguyen V1 (ông T4 với người vợ đầu bà Nguyễn Thị Y đã ly hôn có 01 người con chung là chị Nguyễn Thị Hạnh D, ông T4 với người vợ sau là bà Trần Thị Kim L1 có 02 người con chung là chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1).

Bà H chết năm 2023. Ngày 15/3/2023 khi còn sống bà H có lập văn bản xác định ý chí khi bà H chết thì bà tặng cho phần thừa kế của bà cho bốn người con là

ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Thanh N1.

Vì vậy bà L1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản mà ông T4 để lại cho hàng thừa kế của ông T4 gồm bà Nguyễn Thị H, bà Trần Kim L1, chị Nguyễn Thị Hạnh D, chị Trân Vivian H5, chị Nguyen V1. Bà L1 yêu cầu nhận hiện vật phần nhà và đất của ông T4 trong khối tài sản chung và thối lại giá trị cho các thừa kế khác theo nguyện vọng của nguyên đơn.

Ngoài ra, bà L1 yêu cầu tính công sức quản lý, bảo quản di sản cho bà Hiền t năm 2016 đến nay cho căn nhà số I là 200.000.000đ và cho căn nhà số A là 200.000.000đ, còn lại mới chia thừa kế. Không đồng ý tính công sức quản lý bảo quản di sản của ông H1 từ năm 2008 đến năm 2015.

Bị đơn bà Trần Kim H3 do bà Trương Thị Kim T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà H3 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Trần Kim L1, không bổ sung gì thêm. Ngoài ra, bà H3 yêu cầu tính công sức quản lý, bảo quản di sản cho bà H năm 2016 đến nay cho căn nhà số I là 200.000.000đ và căn nhà số A là 200.000.000đ, còn lại mới chia thừa kế. Không đồng ý tính công sức quản lý bảo quản của ông H1 từ năm 2008 đến năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Hạnh D với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt hợp pháp các văn bản tố tụng cho chị D nhưng chị D vắng mặt không có lời khai.

Chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1 với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do bà Trần Kim H3 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Trần Thị Kim L1 là mẹ ruột của các chị nên các chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Trần Kim L1, các chị không bổ sung gì thêm.

Bà Nguyễn Thị T1 với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Chấn H4 do bà Trần Kim H3 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà T1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Trần Kim L1, không bổ sung gì thêm.

Ông Khổng Đình X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do chị Khổng Thị Thu T5 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Xuân thống n với lời trình bày và yêu cầu của bà Trần Kim L1, không bổ sung gì thêm**.**

Anh Trần Chan T3, chị Trần V2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Chấn H4 do chị Khổng Thị Thu T5 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Trần Kim L1, không bổ sung gì thêm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ tranh chấp và xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Việc thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Việc thỏa thuận này không có mặt chị D, tuy nhiên thỏa thuận về giá trị thửa đất cao hơn giá thị trường mà hội đồng đã định giá là có lợi cho chị D nên có căn cứ chấp nhận thỏa thuận của các đương sự.

Áp dụng Điều 688, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông T4 trong khối tài sản chung gồm ½ nhà đất số I và $^1/_6$ nhà đất số A đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Giao phần di sản của ông T4 cho bà Trần Kim L1 trọn quyền sở hữu, bà L1 có nghĩa vụ thối lại giá trị cho các hàng thừa kế của ông T4 gồm bà Trần Kim L1, chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D mỗi người 1.340.771.697đ; những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị H (gồm ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Thanh N1) số tiền 1.340.771.697đ.

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về thừa kế tài sản có đương sự ở nước ngoài theo quy định tại khoản 6 Điều 26,

khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa (lần hai) vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hạnh D, chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, bà Nguyễn Thị T1 và bị đơn bà Trần Kim L1 (chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, bà Nguyễn Thị T1 và bị đơn bà Trần Kim L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa và tại biên bản thỏa thuận ngày 03/6/2024 thì các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

[2.1] Về di sản thừa kế và hàng thừa kế:

Nhà và đất tại số I đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T4 và bà Trần Kim L1 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà số CS 0024 ngày 29/11/2016 cho bà Trần Kim L1 và ông Nguyễn Ngọc T4, nên phần tài sản của ông T4 trong khối tài sản chung là ½ nhà và đất tại số I đường N, thành phố Q.

Nhà và đất tại số A đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định là tài sản chung của các ông, bà: ông Khổng Đình X, ông Trần Chấn H4, bà Trần Kim L1, ông Nguyễn Ngọc T4, bà Trần Nguyễn Thị T6, bà Trần Kim H3, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà số CS 00425 ngày 29/11/2016 cho ông Khổng Đình X, ông Trần Chấn H4, bà Trần Kim L1, ông Nguyễn Ngọc T4, bà Trần Nguyễn Thị T6, bà Trần Kim H3 nên tài sản ông T4 trong khối tài sản chung là $^1/_6$ nhà và đất tại số A đường N, thành phố Q.

Ông Nguyễn Ngọc T4, sinh năm 1957, mất ngày 06/12/2013 không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông T4 cho hàng thừa kế thứ nhất của ông T4.

Bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột ông Nguyễn Ngọc T4. Ông T4 với người vợ trước là bà Nguyễn Thị Y (đã ly hôn) có một người con là chị Nguyễn Thị Hạnh D. Ông T4 với người vợ sau là bà Trần Kim L1 có hai người con là chị Tran Vivian H2 và chị Nguyen V1. Nên hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 được hưởng di sản của ông T4 bao gồm: Bà Nguyễn Thị H (mẹ); bà Trần Thị Kim L1 (vợ); chị Nguyễn Thị Hạnh D (con); chị Tran Vivian H2 (con); chị Nguyen V1 (con).

[2.2] Thống nhất phân chia di sản thừa kế như sau:

- Theo biên bản định giá tài sản ngày 21/3/2024 thì giá đất ở theo giá thị trường là 80.000.000đ/m^2. Tuy nhiên, các bên thống nhất giá đất ở là 105.000.000đ/m^2, cụ thể.

+ Giá trị nhà và đất tại lô số 09: Giá trị đất 105.000.000đ x 88,3m^2 = 9.271.500.000đ; Giá trị căn nhà 5.344.000đ x 60% x 314,4m^2 = 1.007.771.520đ. Tổng cộng giá trị nhà và đất là 10.279.271.520đ. Do đó phần tài sản của ông Nguyễn Ngọc T4 để chia thừa kế là 10.279.271.520đ/2 = 5.139.635.760đ.

Giá trị một kỷ phần đối với nhà và đất tại lô đất số 09 sau khi chia làm 05 phần cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Ngọc T4 thì mỗi người được nhận là: 5.139.635.760đ/5 = 1.027.927.152đ.

+ Giá trị nhà và đất tại lô số 10: Giá trị đất 105.000.000đ x 88,3m^2 = 9.271.500.000đ; Giá trị căn nhà 3.223.000đ x 40% x 88.3m^2 = 113.836.360đ. Tổng cộng giá trị nhà và đất là 9.385.336.360đ. Do đó phần tài sản của ông Nguyễn Ngọc T4 để chia thừa kế là 9.385.336.360đ/6 = 1.564.222.727đ.

Giá trị một kỷ phần đối với nhà và đất tại lô đất số 10 sau khi chia làm 05 phần cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Ngọc T4 thì mỗi người được nhận là 1.564.222.727đ/5 = 312.844.545đ.

+ Như vậy, giá trị một kỷ phần mà các đồng thừa kế của ông Nguyễn Ngọc T4 gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Trần Kim L1, chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D được nhận, sẽ có giá trị là 1.027.927.152đ + 312.844.545đ = 1.340.771.697đ.

Giao tài sản của ông Nguyễn Ngọc T4 cho bà Trần Kim L1 nhận ($^1/_2$ nhà đất số I và $^1/_6$ nhà đất số A) và bà L lại giá trị cho các thừa kế khác là bà Nguyễn Thị H, chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D mỗi người 1.340.771.697đ. Bà Nguyễn Thị H (chết năm 2023) ngày 15/3/2023 bà H có lập văn bản xác định ý chí khi bà H chết thì bà tặng cho phần thừa kế của bà cho bốn người con là ông N, ông H1, bà N1, bà O nên ông N, ông H1, bà N1, bà O mỗi người được nhận 335.192.924đ.

[2.3] Về công sức gìn giữ bảo quản di sản: HĐXX xét thấy bà Trần Kim H3 là người quản lý ngôi nhà số I và số 10 từ năm 2016 đến nay, các đồng thừa kế của ông Nguyễn Ngọc T4 tại phiên tòa thống nhất sẽ trích ra số tiền 26.000.000đ/kỷ phần để chi trả cho bà Trần Kim H3 có công sức gìn giữ, bảo quản di sản của ông T4 là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận buộc chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D, bà Trần Kim L1 mỗi người chi trả cho bà Trần Kim H3 26.000.000đ; bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Thanh N1 mỗi người phải chi trả cho bà Trần Kim H3 6.500.000đ.

[2.4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 15.000.000đ và chi phí ủy thác tư pháp 25.978.616đ, tổng cộng 41.419.616đ. Chi Tran Vivian Ho, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D, bà Trần Kim L1 mỗi người phải chịu 8.283.923đ; ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Thanh N1 mỗi người phải chịu 2.070.981đ. Ông N, bà O, ông H1, bà N1 đã tạm ứng đủ 41.419.616đ nên chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D, bà Trần Kim L1 mỗi người phải hoàn trả 8.283.923đ cho ông N, bà O, ông H1, bà N1.

[3] Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên tại phiên tòa và tại biên bản thỏa thuận ngày 03/6/2024 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Mặc dù việc thỏa thuận của các bên đương sự vắng mặt chị Nguyễn Thị Hạnh D. Tuy nhiên, các thỏa thuận này làm tăng giá trị kỷ phần chị D được hưởng, không gây thiệt hại cho chị D (do thỏa thuận làm tăng giá trị đất cao hơn giá thị trường tại biên bản định giá của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập) nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại các mục [2.1] [2.2] [2.3].

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì bà Trần Kim L1, ông Nguyễn N là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

- Theo quy định tại khoản 8 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D mỗi người phải chịu 52.109.000đ. Bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Thanh N1 mỗi người phải chịu 16.712.000đ.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế di sản của ông T4 theo quy định pháp luật và công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về giá trị di sản thừa kế, hàng thừa kế, phân chia di sản là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 37, 147, 157, 165, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 650, 651, 660, 688, khoản 1 Điều 623, Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 8 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của của bà Nguyễn Thị H về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Ngọc T4.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Giao cho bà Trần Kim L1 sở hữu, sử dụng ngôi nhà và đất tại số I đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà số CS0024 ngày 29/11/2016 cho bà Trần Kim L1 và ông Nguyễn Ngọc T4.

Giao cho Trần Kim L1 sở hữu sử, dụng phần tài sản của ông Nguyễn Ngọc T4 là $^1/_6$ ngôi nhà và đất tại số A đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (ngôi nhà và đất là tài sản chung của các ông, bà: Nguyễn Ngọc T4, Trần Kim L1, Khổng Đình X, Trần Kim H3, Trần Chấn H4, Nguyễn Thị T6), được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà số CS 0025 ngày 29/11/2016 cho ông Khổng Đình X, ông Trần Chấn H4, bà Trần Kim L1, ông Nguyễn Ngọc T4, bà Trần Nguyễn Thị T6, bà Trần Kim H3.

2.2. Bà Trần Kim L1 có nghĩa vụ thối lại kỷ phần thừa kế cho chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D mỗi người là 1.336.977.152đ; thối lại cho ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Thanh N1 mỗi người 334.244.288đ.

3. Buộc chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D, bà Trần Kim L1 mỗi người phải trả cho bà Trần Kim H3 26.000.000đ (công sức gìn giữ, bảo quản di sản). Buộc bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Thanh N1 mỗi người phải trả cho bà Trần Kim H3 6.500.000đ (công sức gìn giữ, bảo quản di sản).

4. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 15.000.000đ và chi phí ủy thác tư pháp 25.978.616đ, tổng cộng 41.419.616đ. Chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D, bà Trần Kim L1 mỗi người phải chịu 8.283.923đ. Ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Thanh N1 mỗi người phải chịu 2.070.981đ. Ông N, bà O, ông H1, bà N1 đã tạm ứng đủ 41.419.616đ nên chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D, bà Trần Kim L1 mỗi người phải hoàn trả 8.283.923đ cho ông N, bà O, ông H1, bà N1.

5. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Kim L1, ông Nguyễn N là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

- Chị Tran Vivian H2, chị Nguyen V1, chị Nguyễn Thị Hạnh D mỗi người phải chịu 52.109.000đ. Bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Thanh N1 mỗi người phải chịu 16.712.000đ.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7**.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(*Đã ký và đóng dấu*)

Phan Minh Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Lưu HS